

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/DS-ST
Ngày 25/5/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đàn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Quang, bà Phạm Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: ông Phan Khắc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-DS ngày 16/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2026/QĐXXST-DS ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S (S1)**; địa chỉ trụ sở chính: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo uỷ quyền là ông Bùi Ngọc T; chức vụ: chuyên viên thu hồi nợ muộn - S1 chi nhánh Q; địa chỉ: số D đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (*theo Giấy uỷ quyền số 84/2026/GUQ-CNQT ngày 02/4/2026*); có mặt.

- *Bị đơn:* bà **Lê Thị Mỹ H**; địa chỉ: Khu phố A, phường N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 09/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng S) trình bày:

Ngày 27/8/2021, bà Lê Thị Mỹ H có ký với Ngân hàng S “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng”, theo đó, bà H được cấp thẻ tín dụng số 472074 - 2991, hạn mức tín dụng: 20.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,6%/tháng, mục đích tiêu dùng. Bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 323.994.430 đồng, kỳ thanh toán sau cùng là ngày 10/5/2023. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng bà H không có thiện chí hợp tác. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Tính đến ngày 25/5/2026, bà H nợ tổng cộng là 48.223.886 đồng, trong

đó: nợ gốc: 19.916.387 đồng, lãi trong hạn: 2.094.004 đồng, lãi quá hạn: 25.255.719 đồng; phí chậm thanh toán: 745.447 đồng, phí vượt hạn mức: 212.329 đồng; Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ và tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh tính từ ngày 26/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 27/8/2021.

* *Bị đơn bà Lê Thị Mỹ H:* (không giao nộp bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng tại Tòa án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng S với bà Lê Thị Mỹ H là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bà H trú tại phường N, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Đối với yêu cầu nợ gốc: Theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 27/8/2021, thẻ tín dụng số 472074 – 2991 kèm theo Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng và biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành thì Ngân hàng S có nghĩa vụ thanh toán tiền chi tiêu, xuất tiền mặt khi bà H sử dụng Thẻ để rút. Bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng S số tiền đã rút, số tiền chi tiêu, lãi suất và chi phí dịch vụ. Thỏa thuận giữa bà H với Ngân hàng S được xác lập tại văn bản đề nghị cấp thẻ có nội dung của một hợp đồng tín dụng, đảm bảo về hình thức và nội dung, tuân thủ quy định pháp luật, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng S yêu cầu bà H trả khoản tiền đã sử dụng còn nợ chưa thanh toán 19.916.387 đồng là có căn cứ.

2.2. Đối với yêu cầu trả lãi, lãi quá hạn và phí dịch vụ thẻ:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Như vậy, mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, các loại phí được hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N nên có hiệu lực thi hành, theo đó, căn cứ mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận, lãi suất quá hạn, thời gian vi phạm, mức phí theo Biểu phí được công bố, tính đến ngày 25/5/2026 bà H nợ Ngân hàng S lãi trong hạn: 2.094.004 đồng, lãi quá

hạn: 25.255.719 đồng, phí vượt hạn mức: 212.329 đồng, phí chậm thanh toán: 745.447 đồng. Cần áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N buộc H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng nợ gốc và lãi là 48.223.886 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/8/2021.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Mỹ H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 48.223.886 đồng x 5% = 2.411.194 đồng.

Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 5, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1), buộc bà Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/5/2026 phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/8/2021 là: **48.223.886 đồng**, trong đó: nợ gốc: 19.916.387 đồng, lãi trong hạn: 2.094.004 đồng, lãi quá hạn: 25.255.719 đồng, phí vượt hạn mức: 212.329 đồng, phí chậm thanh toán: 745.447 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2026) cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Mỹ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/8/2021 đã ký giữa các bên.

[2] Về án phí:

- Buộc bà Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.411.194 đồng.

- Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.202.282 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000414 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5).

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Quảng Trị
(Phòng THADS KV5);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đàn